TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **188/**2022/QĐST-HNGĐ	*TP.Tuyên Quang, ngày 25 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **C Th Ng**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số nhà 06, tổ 8, phường P T, thành phố T Q, tỉnh T Q

- Bị đơn: Ông **Ng V Đ**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 06, tổ 8, phường P T, thành phố T Q, tỉnh T Q

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà C Th Ng và ông Ng V Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà C Th Ng và ông Ng V Đ đều xác định có 03 con chung: Con thứ nhất là Ng Ng M, sinh ngày 07/02/1990; Con thứ hai là Ng H Tr, sinh ngày 27/5/1996; Con thứ ba là Ng Th H, sinh ngày 14/11/2003.

Các con chung của bà Ng và ông Đ hiện đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà C Th Ng và ông Ng V Đ đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Bà C Th Ng và ông Ng V Đ đều xác định không có nợ chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Bà C Th Ng tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000432 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Bà C Th Ng đã nộp đủ án phí. Trả lại cho bà C Th Ng số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Ông Ng V Đ không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Yên Lạc, huyện Đồng Văn, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Phạm Ngọc Hà